

Đã xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC
 (Chứa 1 viên nén bao phim Perisavi 5)

Perindopril được chất: 5 mg
 Perindopril arginin

Thành phần tá dược:
 Tinh bột biến tính, cellulose 100, lactose monohydrat, silic dioxide, keo magensi stearat, hypromellose 6 cps, polyethylene glycol 6000, titan dioxide, Green lake

ĐANG BẢO CHẾ

Vien nén bao phim.

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Viên nén dài, bao phim màu xanh, hai mặt khum, tron, cạnh và thành viên lảnh.

CHỈ ĐỊNH

- Tăng huyết áp. Điều trị tăng huyết áp.

- Suy tim. Điều trị suy tim có triệu chứng.

- Bệnh đng mạch vành ổn định. Giảm nguy cơ xảy ra biến cố tim mạch ở người bệnh có tiền sử nhồi máu cơ tim và tái tạo mạch vành.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG

Liều dùng được cá thể hóa dựa vào tình trạng và đáp ứng huyết áp của mỗi người huyết áp khác.

Người lớn

Tăng huyết áp
 Perisavi 5 có thể được dùng riêng lẻ hoặc kết hợp với các nhóm thuốc trị tăng huyết áp khác.

Liều khởi đầu khuyến cáo là 5 mg/lần/ngày.

Bệnh nhân có hoạt tính hệ renin-angiotensin-aldosterone mạnh (đặc biệt ở bệnh nhân tăng huyết áp do bệnh lý mạch máu-thận, thiếu nước và thiếu muối, suy tim mất bù hoặc tăng huyết áp tâm trong) có thể bị hạ huyết áp xảy ra, có thể cần phải giảm liều khởi đầu. Nên dùng liều khởi đầu 2,5 mg cho đối tượng này và việc khởi đầu điều trị cần có sự theo dõi của bác sỹ.

Có thể tăng liều lên 10 mg/lần/ngày sau 1 tháng điều trị.

Ha huyết áp có thể xảy ra sau liều đầu tiên, đặc biệt là ở người bệnh đang dùng thuốc trị tiểu. Cần thận trọng khi dùng perindopril ở những người bệnh này do nguy cơ mất nước và muối. Nếu có thể nên ngưng thuốc trị tiểu 2 đến 3 ngày trước khi bắt đầu dùng perindopril. Ở người bệnh tăng huyết áp không thể ngưng thuốc trị tiểu, nên bắt đầu dùng perindopril arginin với liều 2,5 mg. Cần kiểm tra kali huyết thanh và chức năng thận. Liều tiếp theo được điều chỉnh dựa vào đáp ứng của người bệnh. Có thể tiếp tục dùng thuốc trị tiểu lại nếu cần.

Ở người cao tuổi, nên bắt đầu với liều 2,5 mg; sau 1 tháng có thể tăng liều lên 5-10 mg/lần/ngày phụ thuộc vào chức năng thận (*xem bảng 1*), nếu cần.

Suy tim có triệu chứng

Ở bệnh nhân suy tim có triệu chứng, perindopril arginin nên được dùng như một biện pháp điều trị hỗ trợ cho thuốc trị tiểu, digitalis hoặc thuốc chẹn beta.

Perindopril arginin nên được sử dụng với liều khởi đầu 2,5 mg/lần/ngày vào buổi sáng dưới sự theo dõi của bác sỹ. Sau 2 tuần có thể tăng liều lên 5 mg/lần/ngày nếu người bệnh có thể dung nạp được. Việc điều chỉnh liều lượng phải được dựa trên đáp ứng lâm sàng của từng bệnh nhân.

Ở người suy tim nặng hoặc người có nguy cơ cao (suy giảm chức năng thận, rối loạn điện giải, đang dùng thuốc trị tiểu hoặc thuốc chẹn beta), phải theo dõi chặt chẽ khi khởi đầu điều trị bằng perindopril.

Ở bệnh nhân có nguy cơ cao hạ huyết áp (bệnh nhân thiếu muối, có hạ không có hạ nội các bằng thuốc trị tiểu), các trị loan này phải được điều chỉnh trước khi điều trị với perindopril. Nên, theo dõi chức năng thận và kali huyết trước và trong suốt thời gian điều trị với perindopril.

Bệnh đng mạch vành ổn định

Liều khởi đầu là 5 mg/lần/ngày trong 2 tuần, sau đó có thể tăng lên 10 mg/lần/ngày phụ thuộc vào chức năng thận nếu người bệnh đang nạp tới với liều 5 mg. Người cao tuổi, nên dùng liều 2,5 mg/lần/ngày trong vòng 1 tuần, tăng liều 5 mg/lần/ngày trong tuần tiếp theo trước khi tăng lên 10 mg/lần/ngày, dựa trên chức năng thận (*xem bảng 1*). Chỉ được tăng liều khi người bệnh đang nạp tới với liều thấp hơn trước đó.

Sử dụng thuốc ở các đối tượng đặc biệt

Người suy thận
 Liều ở người suy thận được điều chỉnh dựa trên độ thanh thải creatinin, được tính bằng 1 bảng 1. Điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy thận

Độ thanh thải creatinin	Liều khởi đầu
≥ 60 ml/phút	5 mg/ngày
30-60 ml/phút	2,5 mg/ngày
15-30 ml/phút	2,5 mg mỗi 2 ngày
< 15 ml/phút	2,5 mg vào ngày nhằm phân

** Độ thanh thải creatinin phân creatinin/hiệu là 70 ml/phút.*

Người bệnh thăm máu nên uống thuốc sau khi thăm phân.

Người suy gan

Không cần điều chỉnh liều ở người suy gan.

Trẻ em

An toàn và hiệu quả của perindopril chưa được xác định ở trẻ em dưới 18 tuổi. Do vậy, không khuyến cáo dùng perindopril ở trẻ em.

Cách dùng

Thuốc dùng đường uống, dùng 1 lần trong ngày trước bữa ăn sáng. Nên uống cùng với điểm giữa các ngày.

Viên Perisavi 5 không phù hợp với liều 2,5 mg/lần.

Nên tuân uống thuốc, uống liều tiếp theo như bình thường. Không được uống gấp đôi liều để bù liều đã quên.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với perindopril, các thuốc ức chế ACE khác hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

- Tiền sử phù mạch do dùng thuốc ức chế ACE.

- Phù mạch di truyền hoặc vô căn.

- Phụ nữ có thai 6 tháng cuối thai kỳ.

- Phải hợp với các thuốc chứa aliskiren ở bệnh nhân dài tháo đường hoặc bệnh nhân suy thận (GFR < 60 ml/phút/1,73 m²).

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Các tương hợp nhãn trong khi dùng thuốc
 Trình tương đối sử dụng perindopril, nếu xuất hiện cơn đau thắt ngực không ổn định thì cần phải đánh giá lại tình trạng cơ tim và việc tiếp tục điều trị bằng perindopril.

Hạ huyết áp

Các thuốc ức chế ACE có thể gây hạ huyết áp. Hạ huyết áp hiếm gặp ở bệnh nhân tăng huyết áp không có biến chứng và có khuyến khích để xảy ra hơn nếu bệnh nhân bị giảm thể tích tuần hoàn (do thuốc trị tiểu, chế độ ăn nhạt quá muối, giảm phân, tiêu chảy nặng nôn mửa hoặc tăng huyết áp nghiêm trọng phụ thuộc renin). Ở bệnh nhân suy tim, có hạ không kèm theo suy thận, hạ huyết áp cũng đã được ghi nhận, nhiều khả năng xảy ra hơn ở bệnh nhân suy tim nặng, phân tích qua việc dùng liều cao thuốc trị tiểu quai, hạ natri máu hoặc tổn thương chức năng thận. Ở những bệnh nhân có nguy cơ cao hạ huyết áp, việc khởi đầu điều trị và điều chỉnh liều cần được giám sát chặt chẽ. Cần giám sát chặt chẽ ở bệnh nhân có bệnh tim thiếu máu cục bộ hoặc bệnh mạch máu não. Vì hạ huyết áp quá mức ở những bệnh nhân này có thể dẫn tới nhồi máu cơ tim hoặc tai biến mạch máu não.

Nên hạ huyết áp xảy ra, cần đặt bệnh nhân ở tư thế nằm ngửa và có thể truyền tinh mạch dùng dịch nước muối sinh lý nếu cần. Hạ huyết áp thường qua không phải là chống chỉ định đối với những liều tiếp theo, có thể sử dụng liều tiếp theo



phụ bình thường nếu huyết áp đã được nâng lên sau khi bù dịch.
 Ở một số bệnh nhân suy tim có huyết áp bình thường hoặc thấp, huyết áp có thể hạ thấp hơn nữa khi dùng perindopril. Tác dụng này đã được biết trước và thường không phải là lý do để ngưng thuốc. Nếu hạ huyết áp xảy ra, có thể cần phải giảm liều hoặc ngưng sử dụng perindopril.

Bệnh nhân mắc bệnh cơ tim phì đại/lep đng mạch chủ và van hai lá
 Giống như các thuốc ức chế ACE khác, nên thận trọng khi dùng perindopril cho bệnh nhân hẹp van hai lá và nghẽn dòng máu ra khỏi tâm thất trái như hẹp động mạch chủ hoặc bệnh lý cơ tim phì đại.

Tổn thương chức năng thận
 Ở bệnh nhân suy thận (độ thanh thải creatinin < 60 ml/phút), liều khởi đầu perindopril nên được điều chỉnh theo độ thanh thải creatinin của bệnh nhân (*xem Bảng 1 trong Liều dùng, Cách dùng*) và đáp ứng của bệnh nhân với trị liệu. Theo dõi kali huyết và creatinin thường xuyên đối với các bệnh nhân này.

Ở bệnh nhân suy tim, hạ huyết áp sau khi dùng thuốc ức chế ACE liều đầu có thể làm nặng thêm tình trạng tổn thương chức năng thận. Vì thuốc trị tiểu có thể là một yếu tố góp phần gây ra tình trạng này nên ngưng dùng thuốc trị tiểu và theo dõi chức năng thận trong những tuần đầu tiên điều trị với perindopril.

Một số bệnh nhân tăng huyết áp không có bệnh lý mạch máu thận có rất trước đó cũng có hiện tượng tăng ure huyết và creatinin huyết thanh (thường là nhẹ và thoáng qua), đặc biệt khi perindopril được dùng đồng thời với thuốc trị tiểu. Điều này không xảy ra hơn ở bệnh nhân lớn thường chức năng thận trước đó. Có thể cần giảm liều hoặc ngưng thuốc trị tiểu hoặc perindopril.

Người bệnh thăm phân máu
 Phân đng đang phân và đã được báo cáo ở người bệnh nhằm phân hàng mảng hồng-thủy đang dùng thuốc ức chế ACE. Nên xem xét dùng mảng lọc khác ở những trường hợp này hoặc dùng thuốc chống tăng huyết áp khác.

Chết thản
 Chưa có tình nghiêm sử dụng perindopril ở người mới ghép thận.

Quá mẫn/ứ máu
 Quá mẫn/ứ máu chủ yếu xảy ra mắt, tay chân, môi, lưỡi, thanh môn và/hoặc thành quản đã được ghi nhận ít gặp ở bệnh nhân được điều trị với thuốc ức chế ACE. Triệu chứng này có thể xảy ra lại bất kỳ thời điểm nào trong khi điều trị. Trong trường hợp này, cần ngưng dùng perindopril ngay lập tức và nên hành điều trị, theo dõi chặt chẽ đến khi bệnh nhân được tiếp xúc với thuốc điều trị, theo dõi chặt chẽ đến khi bệnh nhân xuất viện. Nguy cơ trong trường hợp sưng phù chi khu trú ở lưỡi, không gây suy hô hấp, óem nề mắt cần được tiếp xúc theo dõi và việc điều trị bằng thuốc kháng histamin và corticosteroid có thể không hiệu quả.

Phụ thân quản có thể gây tử sng. Phụ ở quai, thanh môn hoặc thành quản có thể gây tắc nghẽn đường hô hấp, đặc biệt ở những người có tiền sử phẫu thuật đường hô hấp. Ở những trường hợp này, cần điều trị cấp cứu ngay. Trường hợp này có thể sử dụng sufenam và duy trì thông thoáng đường hô hấp. Cần theo dõi bệnh nhân cẩn thận cho đến khi triệu chứng được giải quyết hoàn toàn và ổn định.

Những bệnh nhân có tiền sử phù mạch không do sử dụng thuốc ức chế ACE có thể có nguy cơ cao bị phù mạch khi dùng thuốc ức chế ACE.

Phụ mạch ruột đã được báo cáo hiếm khi xảy ra ở người bệnh điều trị bằng thuốc ức chế ACE. Những trường hợp này xuất hiện triệu chứng đau bụng kèm theo không kèm buồn nôn, nôn, trong một số trường hợp không gây tử vong và chỉ số C-1 esterase vẫn bình thường. Phụ mạch được chẩn đoán bằng các kỹ thuật như chụp CT vng bụng, siêu âm, phẫu thuật và các triệu chứng sẽ tự khỏi sau khi ngưng dùng thuốc ức chế ACE. Phụ mạch ruột nên được xem xét trong chẩn đoán phân biệt đau bụng ở người bệnh đang dùng thuốc ức chế ACE.

Dùng kết hợp với các thuốc ức chế mTOR (sirolimus, everolimus, temsirolimus)
 Người bệnh đang dùng các thuốc ức chế mTOR (sirolimus, everolimus, temsirolimus) có thể tăng nguy cơ phù mạch (sưng đường thở và lưỡi, có hạ không có suy hô hấp).

Phân ứng đang phân và kali ly trích lipoprotein ty trong thấp (LDL)
 Ở vài trường hợp hiếm, bệnh nhân đang dùng thuốc ức chế ACE trong khi ly trích lipoprotein ty trong thấp (LDL) bằng dextran sulfate có thể xảy ra phân ứng đang phân và đe dọa đến tình mạng. Các phân ứng này không xảy ra khi tạm thời ngưng dùng thuốc ức chế ACE trước mỗi lần ly trích.

Giải mẫn cảm
 Bệnh nhân đang dùng thuốc ức chế ACE trong quá trình điều trị giải mẫn cảm (vị dụ nọc độc loài hymenoptera) đã có những phản ứng loại phản vệ kéo dài. Cũng ở những bệnh nhân này, các phân ứng này đã không xảy ra khi tạm ngưng thuốc ức chế ACE nhưng đã xuất hiện lại khi và tình sử dụng thuốc trở lại.

Suy gan
 Ở một vài trường hợp rất hiếm gặp, thuốc ức chế ACE có thể liên quan đến hội chứng có khởi đầu là vàng da ở mắt và tiến triển thành hoại tử gan tối cấp và đôi khi gây tử vong. Có chế của hội chứng này chưa được biết rõ. Nên ngưng dùng thuốc và theo dõi nếu xuất hiện triệu chứng vàng da hoặc tăng enzyme gan rõ rệt khi dùng perindopril.

Giảm bạch cầu trung tính/Mất bạch cầu hạt, giảm tiểu cầu, thiếu máu
 Giảm bạch cầu trung tính/mất bạch cầu hạt, giảm tiểu cầu và thiếu máu đã được ghi nhận ở bệnh nhân dùng thuốc ức chế ACE. Hiếm khi xảy ra giảm bạch cầu trung tính ở bệnh nhân dùng thuốc ức chế ACE. Nên khi xảy ra giảm bạch cầu, tiếp tục dùng giảm thuốc ức chế ACE. Thận trọng khi dùng perindopril ở bệnh nhân có bệnh lý collagen mạch máu, đang dùng thuốc ức chế miễn dịch, allopurinol hoặc procainamid, đặc biệt là ở bệnh nhân có suy giảm chức năng thận trước đó, có thể gây nhiễm trùng nặng không đáp ứng với điều trị kháng sinh tích cực. Khi dùng perindopril ở những bệnh nhân này, phải theo dõi định kỳ số lượng bạch cầu và phải yêu cầu bệnh nhân thông báo ngay nếu có bất kỳ dấu hiệu nhiễm khuẩn nào (sốt, đau họng).

Chung tác
 Thuốc ức chế ACE gây phù mạch ở người da đen với lệ cao hơn ở người có màu da khác. Cũng như các thuốc ức chế ACE khác, Perisavi 5 có thể ít có tác động hạ huyết áp trên bệnh nhân da đen so với các nhóm bệnh nhân khác, có thể là do tương tác renin thấp chiếm tỷ lệ cao ở nhóm bệnh nhân da đen tăng huyết áp.

Ho
 Ho đã được ghi nhận khi sử dụng thuốc ức chế ACE. Điển hình là ho khan, dài ngày và từ hết khi ngưng thuốc. Ho do thuốc ức chế ACE phải được xem xét khi chẩn đoán phân biệt nguyên nhân gây ho.

Tăng kali máu
 Đã ghi nhận sự tăng nồng độ kali trong huyết thanh ở bệnh nhân điều trị bằng thuốc ức chế ACE, bao gồm perindopril. Bệnh nhân có nguy cơ tăng kali máu gồm người suy giảm chức năng thận, trên 70 tuổi, dài tháo đường, mất nước, suy tim nặng, bệnh acid chuyển hóa, hoặc dùng thuốc trị tiểu giữ kali (spironolacton, eplerenon, trimetazem, amilorid), các chất bổ sung kali hoặc các chất thay thế muối chứa kali hoặc các bệnh nhân đang dùng các thuốc có thể làm tăng nồng độ kali huyết thanh (trypsin), bổ sung kali, các chất thay thế muối chứa kali ở người suy thận có thể dẫn đến tăng kali máu nghiêm trọng. Tăng kali máu có thể gây loạn nhịp và tử vong. Nếu thấy tăng kali máu nghiêm trọng, tăng kali máu có thể gây nên nên theo dõi thường xuyên nồng độ kali huyết thanh.

Bệnh nhân dài tháo đường
 Bệnh nhân dài tháo đường đang dùng thuốc dài tháo đường uống uống hoặc bệnh nhân dài tháo đường tiêm insulin nên kiểm soát chặt chế mức đường huyết trong tháng đầu điều trị bằng thuốc ức chế ACE.

Không khuyến cáo kết hợp liều với Perisavi 5.

Use chế kếp hệ renin-angiotensin-aldosterone (RAA) với các thuốc chia aliskiren

Có bằng chứng cho thấy việc kết hợp thuốc ức chế ACE, thuốc đổi kháng thụ thể

angiotensin II hoặc alicikren có thể làm tăng nguy cơ kết hợp áp, tăng kali huyết và giảm chức năng thận. Vì vậy, không khuyến cáo kết hợp các thuốc cũng tác động lên hệ RAA như thuốc ức chế ACE, thuốc đổi kháng thụ thể angiotensin II và alicikren. Tuy nhiên, nếu bắt buộc phải sử dụng kết hợp này thì cần theo dõi người áp chặt chẽ và thường xuyên đánh giá chức năng thận, điện giải và huyết áp của người bệnh. Không nên kết hợp thuốc ức chế ACE và thuốc đổi kháng thụ thể angiotensin II ở người mắc bệnh thận do đái tháo đường.

TÁ ĐƯỢC
Do có sự hiện diện của lactose, người bệnh có các vấn đề di truyền hiếm gặp về dung nạp galactose, kém hấp thu glucose-galactose hoặc thiếu hụt enzyme Lapp lactase không nên dùng Perisavi 5.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Không nên dùng perindopril trong ba tháng đầu thai kỳ. Chống chỉ định perindopril trong ba tháng đầu và cuối thai kỳ. Bằng chứng lâm sàng đến ngày có đủ quá trình sau khi tiếp xúc với thuốc ức chế ACE trong ba tháng đầu thai kỳ chưa được kết luận, tuy nhiên với thuốc ức chế ACE. Người bệnh có kế hoạch có thai nên được chuyển sang điều trị bằng thuốc khác an toàn hơn từ khi phải bắt buộc dùng thuốc ức chế ACE. Khi phải tiếp xúc có thai, phải ngưng thuốc ức chế ACE ngay lập tức và có thể thay bằng thuốc khác. Ức chế ACE trong 3 tháng giữa và cuối thai kỳ gây độc trên bào thai người (giam chức năng thận, thiếu đi, chậm co bóp xoang sọ) và độc tính trên cơ sở sinh lý như hạ huyết áp, tăng kali máu). Nếu xảy ra những hợp dùng perindopril trong 3 tháng giữa của thai kỳ, nên siêu âm kiểm tra chức năng thận và hợp số của thai nhi, trẻ sơ sinh có mẹ dùng perindopril phải được theo dõi chặt chẽ để phòng hạ huyết áp.

Phụ nữ cho con bú

Do chưa có thông tin về việc sử dụng perindopril ở phụ nữ cho con bú, nên không khuyến cáo dùng perindopril cho phụ nữ đang cho con bú và nên sử dụng các thuốc khác an toàn hơn, đặc biệt là đối với trẻ sơ sinh hoặc trẻ sơ non.

ANH HƯNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LAI XE VÀ HÀNH MẠY MỐC
Perindopril không ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng lái xe và sử dụng máy móc. Tuy nhiên thuốc có thể gây hạ huyết áp dẫn đến chóng mặt và yếu ở một số người, đặc biệt là khi bắt đầu điều trị hoặc kết hợp với các thuốc chống tăng huyết áp khác. Do đó cần thận trọng khi lái xe và vận hành máy móc nếu gặp phải các tác dụng này.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KÝ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc
Các thử nghiệm lâm sàng cho thấy kết hợp thuốc ức chế ACE, thuốc đổi kháng thụ thể angiotensin II hoặc alicikren có thể làm tăng nguy cơ hạ huyết áp, tăng kali huyết và giảm chức năng thận.

Thuốc khác dùng cùng lúc

Một số thuốc khác cần lưu ý đặc biệt
Thận trọng khi dùng cùng lúc thuốc ức chế ACE, thuốc đổi kháng thụ thể angiotensin II, NSAID (non-steroidal anti-inflammatory drugs), heparin, các chất ức chế men dịch như ciclosporin hoặc tacrolimus, trimethoprim. Kết hợp perindopril với các thuốc này làm tăng nguy cơ tăng kali máu.

Kết hợp dùng cùng lúc

Alicikren
Người đái tháo đường hoặc suy thận, nguy cơ tăng kali huyết, suy giảm chức năng thận và tỷ lệ mắc bệnh tim mạch và tử vong tăng lên.

Các kết hợp không được khuyến cáo sử dụng

Diuretic
Nguy cơ tăng tác dụng không mong muốn như phù mạch.

Diuretic

Thuốc chống tăng huyết áp
Theo dõi huyết áp và điều chỉnh liều của thuốc chống tăng huyết áp nếu cần.

Thuốc điều trị đái tháo đường

Các nghiên cứu dịch tễ học cho thấy dùng đồng thời thuốc ức chế ACE và thuốc trị đái tháo đường (insulin, thuốc hạ đường huyết dạng uống) có thể làm tăng tác động hạ đường huyết và gây nguy cơ tử vong huyết. Hạ đường huyết có thể xảy ra nhiều hơn trong những tuần đầu trị đầu tiên và ở bệnh nhân suy thận.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc điều trị rối loạn nhịp tim

Trong trường hợp kết hợp perindopril với các thuốc trên, nếu bắt buộc phải sử dụng những kết hợp này phải thận trọng khi dùng và kiểm tra kali huyết thành thường xuyên.

Thuốc chống giao cảm có thể làm giảm tác động điều trị tăng huyết áp của thuốc

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm

Thuốc chống giao cảm